

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2013



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận</b>	4104000006	ngày 30 tháng 6 năm 2000
<b>Đăng ký Kinh doanh số</b>	4104000006	ngày 13 tháng 9 năm 2005
	4104000006	ngày 30 tháng 5 năm 2006
	4104000006	ngày 13 tháng 12 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

<b>Giấy phép Thành lập và Hoạt động số</b>	06/GPHĐKD	ngày 29 tháng 6 năm 2000
	56/2001/UBCK-QLKD	ngày 21 tháng 9 năm 2001
	71/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	77/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 1 tháng 10 năm 2007
	105/UBCK-GPĐCCTCK	ngày 14 tháng 1 năm 2008
	464/QĐ-UBCK	ngày 7 tháng 7 năm 2008
	271/UBCK-GP	ngày 4 tháng 11 năm 2009
	115/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 10 năm 2012

Giấy phép Kinh doanh Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

<b>Hội đồng Thành viên</b>	Ông Bùi Tấn Tài	Chủ tịch
	Ông Vijay Maheswari	Thành viên
	Ông Phạm Phú Khôi	Thành viên
	Ông Lê Bá Dũng	Thành viên
	Ông Trần Trọng Kiên	Thành viên
		(từ ngày 11 tháng 7 năm 2013)

<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Phạm Phú Khôi	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Chung	(từ ngày 28 tháng 1 năm 2013)
	Ông Nguyễn Ngọc Chung	Quyền Tổng Giám đốc
		(đến ngày 28 tháng 1 năm 2013)
	Bà Lê Thị Phương Dung	Phó Tổng Giám đốc
		(từ ngày 28 tháng 1 năm 2013)
		Phó Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

**Trụ sở đăng ký**

**Trụ sở chính**

107N Trương Định, Phường 6  
Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Chợ lớn**

747 Hồng Bàng, Phường 6  
Quận 6  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Phan Đình Phùng**

51 Phan Đình Phùng  
Phường 17, Quận Phú Nhuận  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Sài Gòn**

27B Nguyễn Đình Chiểu  
Phường Đa Kao, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Tân Bình**

29 Lý Thường Kiệt  
Phường 7, Quận Tân Bình  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Lê Ngô Cát**

9 Lê Ngô Cát  
Phường 7, Quận 3  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội**

10 Phan Chu Trinh  
Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội  
Việt Nam

**Chi nhánh Huỳnh Thúc Kháng**

29 Huỳnh Thúc Kháng, Phường Láng Hạ  
Quận Đống Đa  
Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Chi nhánh Hải Phòng</b>	15 Hoàng Diệu Quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng Việt Nam
<b>Chi nhánh Quảng Ninh</b>	747 - 749 Lê Thánh Tông Phường Bạch Đằng Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh Việt Nam
<b>Chi nhánh Đà Nẵng</b>	Lầu 4, Tòa nhà 218 Bạch Đằng Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
<b>Chi nhánh Khánh Hòa</b>	80 Quang Trung Phường Lộc Thọ Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa Việt Nam
<b>Chi nhánh Vũng Tàu</b>	111 Hoàng Hoa Thám Phường 2 Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu Việt Nam
<b>Chi nhánh Cần Thơ</b>	17 - 19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Phường Tân An, Quận Ninh Kiều Thành phố Cần Thơ Việt Nam
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng Khoán ACB (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc:

- (a) Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 7 đến trang 57 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng Khoán ACB và công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2013



**KPMG Limited Branch**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi Hội đồng Thành viên  
Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) và công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo (“báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”) được Ban Tổng Giám đốc của Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2013, được trình bày từ trang 7 đến 57. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã lần lượt được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán và báo cáo soát xét chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 11 tháng 4 năm 2013 và báo cáo kết quả công tác soát xét ngày 15 tháng 8 năm 2012.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu giới hạn ở việc phỏng vấn cán bộ của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích đối với các số liệu tài chính. Do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn so với một cuộc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện một cuộc kiểm toán và do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Chứng khoán ACB và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-01-287/2



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2013

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>2.074.257.272.038</b>	<b>3.716.443.674.679</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>152.078.575.210</b>	<b>579.088.793.536</b>
Tiền	111		151.578.575.210	578.588.793.536
Các khoản tương đương tiền	112		500.000.000	500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>683.901.158.714</b>	<b>1.963.736.482.275</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		913.514.009.112	2.228.565.900.733
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(229.612.850.398)	(264.829.418.458)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.236.989.656.663</b>	<b>1.150.311.844.640</b>
Phải thu khách hàng	131		2.924.645	-
Trả trước cho người bán	132		4.685.394.600	80.000.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		296.792.770	8.209.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	68.075.410.414	401.823.425.124
Các khoản phải thu khác	138	8	1.171.536.617.204	749.331.543.466
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(7.607.482.970)	(931.332.950)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>47.650.000</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.240.231.451</b>	<b>23.306.554.228</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		978.767.284	731.730.937
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		63.964.167	25.576.464
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	22.413.846.827
Tài sản ngắn hạn khác	158		197.500.000	135.400.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>569.938.774.704</b>	<b>570.647.763.560</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.730.741.051</b>	<b>56.695.614.484</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	52.541.516.615	56.185.688.641
<i>Nguyên giá</i>	222		91.085.538.373	94.828.736.394
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(38.544.021.758)	(38.643.047.753)
Tài sản cố định vô hình	227	11	189.224.436	509.925.843
<i>Nguyên giá</i>	228		2.452.953.704	2.481.127.984
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.263.729.268)	(1.971.202.141)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>492.477.354.944</b>	<b>492.430.176.279</b>
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		200.000.000.000	200.501.540.000
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		-	200.501.540.000
<i>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	255		200.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	258		341.981.805.860	341.981.805.860
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(49.504.450.916)	(50.053.169.581)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>24.730.678.709</b>	<b>21.521.972.797</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.488.572.310	1.779.866.398
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	5.250.000.000	5.250.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	14	15.644.000.003	13.144.000.003
Tài sản dài hạn khác	268	15	1.348.106.396	1.348.106.396
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>2.644.196.046.742</b>	<b>4.287.091.438.239</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a - CTCK**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>		
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>		<b>300</b>	<b>800.188.207.468</b>	<b>2.608.011.727.121</b>	
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>310</b>	<b>800.188.207.468</b>	<b>1.608.011.727.121</b>	
		Nợ ngắn hạn	311	16	400.000.000.000	700.000.000.000
		Phải trả người bán	312		348.398.601	61.776.795
		Người mua trả tiền trước	313		30.000.000	22.000.000
		Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	26.198.687.404	5.724.807.092
		Phải trả người lao động	315		1.632.174.000	8.823.196.000
		Chi phí phải trả	316	18	158.325.809.951	277.780.748.360
		Phải trả nội bộ	317		210.750.000	-
		Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	128.713.680.960	563.624.296.907
		Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	20	80.897.698.550	49.407.121.215
		Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2.603.773.150	1.786.989.083
		Doanh thu chưa thực hiện	328		1.227.234.852	780.791.669
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>330</b>		-	<b>1.000.000.000.000</b>
		Nợ dài hạn	334	21	-	1.000.000.000.000
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>		<b>400</b>	<b>1.844.007.839.274</b>	<b>1.679.079.711.118</b>	
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>410</b>	<b>1.844.007.839.274</b>	<b>1.679.079.711.118</b>	
		Vốn góp	411		1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
		Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	417	22	67.509.974.614	67.509.974.614
		Quỹ dự phòng tài chính	418	22	88.610.345.260	88.610.345.260
		Lợi nhuận chưa phân phối	420		187.887.519.400	22.959.391.244
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>			<b>440</b>	<b>2.644.196.046.742</b>	<b>4.287.091.438.239</b>	

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán</b>			
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002	1.066.618.350.000	2.527.191.910.000
6. Chứng khoán lưu ký	006	17.609.519.330.000	21.771.383.170.000
Trong đó:			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	11.396.602.160.000	16.052.921.630.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	249.736.650.000	551.318.400.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	10.915.158.280.000	15.257.036.610.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	231.707.230.000	244.566.620.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	306.886.780.000	327.584.060.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	20.000.000.000	20.000.000.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	276.154.660.000	296.851.940.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	10.732.120.000	10.732.120.000
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	3.847.905.390.000	3.770.541.110.000
6.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	3.847.905.390.000	3.770.541.110.000
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	400.398.810.000	873.230.760.000
6.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	-	247.104.580.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	399.953.310.000	625.614.780.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	445.500.000	511.400.000
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	032	172.236.320.000	-
6.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	034	172.236.320.000	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	276.139.720.000	4.262.160.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	650.000	90.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	275.379.510.000	4.262.070.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	759.560.000	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - CTCK

	Mã số	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán (tiếp theo)</b>			
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	1.209.350.150.000	742.843.450.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	1.209.350.150.000	742.843.450.000
7. Chứng khoán lưu ký của các công ty đại chúng chưa niêm yết	050	1.434.886.570.000	866.692.060.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	1.207.298.420.000	808.349.810.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	3.660.000	2.120.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	1.205.697.510.000	807.253.700.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	1.597.250.000	1.093.990.000
7.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	169.628.800.000	530.000.000
7.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	169.628.800.000	530.000.000
7.3 Chứng khoán cầm cố	061	57.550.250.000	57.550.250.000
7.3.2 Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	063	57.550.250.000	57.550.250.000
7.5 Chứng khoán chờ thanh toán	071	397.000.000	262.000.000
7.5.1 Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	072	-	-
7.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	397.000.000	262.000.000
7.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	076	12.100.000	-
7.6.2 Chứng khoán phong tỏa chờ rút của khách hàng trong nước	078	12.100.000	-
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	7.055.762.330.000	7.292.940.570.000
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	400.448.310.000	266.124.700.000

Người lập:

  
Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:

  
Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Ông Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Mẫu B 02a - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
			kết thúc ngày 30/6/2013 VND	kết thúc ngày 30/6/2012 VND
<b>Doanh thu</b>	<b>01</b>		<b>330.721.586.713</b>	<b>298.179.923.511</b>
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		46.624.703.060	74.459.307.979
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	01.2	23	207.440.435.595	192.781.760.596
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		550.000.001	714.272.727
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		3.510.986.418	869.359.493
Doanh thu khác	01.9	24	72.595.461.639	29.355.222.716
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>812.634</b>	<b>40.732.223</b>
<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>330.720.774.079</b>	<b>298.139.191.288</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>78.487.333.259</b>	<b>65.315.119.958</b>
<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>252.233.440.820</b>	<b>232.824.071.330</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	22.608.379.115	23.143.501.086
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)</b>	<b>30</b>		<b>229.625.061.705</b>	<b>209.680.570.244</b>
Thu nhập khác	31	27	1.626.905.512	3.819.961.312
Chi phí khác	32	28	32.076.088	172.533.842
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.594.829.424</b>	<b>3.647.427.470</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>231.219.891.129</b>	<b>213.327.997.714</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>29</b>	<b>46.123.539.406</b>	<b>32.740.021.411</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>29</b>	<b>-</b>	<b>2.679.438.913</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>185.096.351.723</b>	<b>177.908.537.390</b>

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a - CTCK

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
		kết thúc ngày 30/6/2013 VND	kết thúc ngày 30/6/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>231.219.891.129</b>	<b>213.327.997.714</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	3.069.085.411	3.954.890.754
Các khoản dự phòng	03	(28.746.736.705)	(145.111.364.211)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05	(239.411.786.345)	(87.260.764.030)
Chi phí lãi	06	50.743.972.220	118.256.000.003
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>		<b>16.874.425.710</b>	<b>103.166.760.230</b>
Biến động chứng khoán thương mại, đầu tư ngắn hạn khác, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	1.234.374.103.460	(142.761.033.007)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	(163.321.736.327)	555.020.521.074
Biến động các khoản trả trước	12	102.177.866	242.985.822
		<b>1.071.154.544.999</b>	<b>412.502.473.889</b>
Tiền lãi đã trả	13	(170.611.361.113)	(192.654.166.667)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(25.901.580.181)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.092.152.390)	(1.299.728.719)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>916.325.457.206</b>	<b>295.813.758.552</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(179.940.000)	(1.832.714.171)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	17.818.182	229.342.791
Tiền chi mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(200.000.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.795.158.705)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	64.400.000.000	574.177.500.000
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	92.426.446.286	205.563.557.684
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(43.335.675.532)</b>	<b>776.342.527.599</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này*

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 05a - CTCK

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
		kết thúc ngày 30/6/2013 VND	kết thúc ngày 30/6/2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền chi trả nợ gốc trái phiếu	34	(1.300.000.000.000)	(1.500.000.000.000)
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	36	-	(191.577.676.549)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.300.000.000.000)</b>	<b>(1.691.577.676.549)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(427.010.218.326)</b>	<b>(619.421.390.398)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>579.088.793.536</b>	<b>682.999.855.925</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)	<b>70</b>	<b>152.078.575.210</b>	<b>63.578.465.527</b>

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU**

	Giai đoạn sáu tháng	Giai đoạn sáu tháng
	kết thúc ngày 30/6/2013 VND	kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư (Thuyết minh 8)	473.030.028.458	-

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét:



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ông Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**

Mẫu B 05a - CTCK

	Vốn góp VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	1.500.000.000.000	67.509.974.614	88.610.345.260	22.959.391.244	1.679.079.711.118
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	185.096.351.723	185.096.351.723
Lợi nhuận công bố chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(20.168.223.567)	(20.168.223.567)
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	1.500.000.000.000	67.509.974.614	88.610.345.260	187.887.519.400	1.844.007.839.274
	<b>Vốn góp VND</b>	<b>Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	1.500.000.000.000	61.804.643.173	82.758.110.257	3.383.323.608	1.647.946.077.038
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	177.908.537.390	177.908.537.390
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	1.500.000.000.000	61.804.643.173	82.758.110.257	181.291.860.998	1.825.854.614.428

Người lập:

  
Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét

  
Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Ông Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013**

**Mẫu B 09a - CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (“Công ty”) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động tự doanh chứng khoán, môi giới và tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký, tư vấn tài chính doanh nghiệp và bảo lãnh phát hành.

Công ty là công ty con 100% vốn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, một ngân hàng thương mại cổ phần thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có một công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”) được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Công ty và công ty con được gọi chung là “Tập đoàn”.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tập đoàn có 238 nhân viên (31/12/2012: 266 nhân viên).

#### **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

##### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

##### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

##### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư, giao dịch trong nội bộ Tập đoàn, và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc kỳ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**(c) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

## **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

#### *Tài sản sẵn sàng để bán*

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được phản ánh riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(e) Chứng khoán đầu tư**

**(i) Chứng khoán thương mại**

*Phân loại*

Chứng khoán thương mại là những chứng khoán được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn hoặc có bằng chứng về việc kinh doanh các chứng khoán đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn.

*Ghi nhận*

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán thương mại vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

*Đo lường*

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày lập báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán thương mại được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(ii) Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn**

*Phân loại*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

*Ghi nhận*

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

*Đo lường*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của các chứng khoán đó.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

Dự phòng giảm giá chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

*Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

**(iii) Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán**

*Phân loại*

Chứng khoán sẵn sàng để bán là những chứng khoán vốn và chứng khoán nợ được mua và nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

*Ghi nhận*

Tập đoàn ghi nhận chứng khoán sẵn sàng để bán vào ngày Tập đoàn trở thành một bên đối tác của các điều khoản hợp đồng đối với các chứng khoán này (kể toán theo ngày giao dịch).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

*Đo lường*

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường OTC được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá bình quân của các giá giao dịch tại ngày lập báo cáo được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng.

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không được tự do mua bán trên thị trường OTC, được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại ngày mua. Sau đó các chứng khoán này được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được lập dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

*Chấm dứt ghi nhận*

Chứng khoán sẵn sàng để bán được chấm dứt ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Tập đoàn đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

**(f) Góp vốn, đầu tư dài hạn**

***Đầu tư dài hạn khác***

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của các công ty mà Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư này phải có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm.

Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi số dự phòng giảm giá được trích lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228”) (xem Thuyết minh 3(g)).

**(g) Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn**

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh ban đầu) theo hướng dẫn của Thông tư 228. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(h) Các khoản phải thu**

Các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động giao dịch chứng khoán, các khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tình trạng quá hạn của khoản nợ hoặc mức tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo Thông tư 228 như sau:

<i>Thời gian quá hạn</i>	<i>Mức trích dự phòng</i>
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Đối với các khoản nợ quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định thêm dự phòng (nếu cần thiết) ngoài khoản dự phòng đã được trích lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các tồn thất có thể xảy ra cho các khoản nợ chưa đến hạn thanh toán được xác định bởi Ban Tổng Giám đốc sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**(i) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ máy móc thiết bị	3 - 5 năm
▪ phương tiện vận tải	6 năm
▪ thiết bị quản lý	3 năm
▪ tài sản cố định khác	3 - 6 năm

**(j) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 năm.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn gồm công cụ và dụng cụ, chi phí thiết kế và sửa chữa văn phòng, chi phí bảo trì và phát triển phần mềm, phí hội viên golf. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 35 năm.

**(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Bảo hiểm thất nghiệp được ghi nhận vào chi phí tiền lương và chi phí liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(o) Các quỹ dự trữ pháp định**

**(i) Công ty**

Theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mục đích của quỹ này là dùng để bổ sung vốn góp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và dùng để bù đắp cho khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phép phân phối và được phân loại như một phần của vốn chủ sở hữu.

**(ii) Công ty TNHH Một thành viên Quản lý quỹ ACB (“ACBC”)**

Theo chính sách của Công ty, quỹ dự phòng tài chính của ACBC được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ hiện có của công ty này và được sử dụng để bù lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Quỹ dự phòng tài chính này không bắt buộc và được phân loại như một phần của vốn chủ sở hữu.

**(p) Doanh thu**

**(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

**(ii) Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

**(iii) Doanh thu hoạt động tư vấn**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên tham chiếu bảng khảo sát các công việc đã thực hiện.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn**

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại ngân hàng, các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

**(v) Doanh thu từ cổ tức**

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi quyền nhận cổ tức của Tập đoàn được thiết lập.

**(q) Chi phí lãi**

Chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

**(r) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(s) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm Ngân hàng mẹ, các công ty con và công ty liên kết của Ngân hàng mẹ này.

**(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được trình bày ở các thuyết minh liên quan của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**(u) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài Chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì được hiểu là có số dư bằng không.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	5.957.059	5.828.731
Tiền gửi ngân hàng	151.572.618.151	578.582.964.805
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>74.709.903.050</i>	<i>47.904.625.215</i>
Các khoản tương đương tiền	500.000.000	500.000.000
	152.078.575.210	579.088.793.536

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn không có các khoản tương đương tiền khác VND.

**5. Giá trị, khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ		Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ	
	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
<b>a) Của Tập đoàn</b>				
Cổ phiếu	63.944.121	8.515.670	1.066.340.086.556	237.860.975.000
Trái phiếu	200.000	4.000.000	200.000.000.000	373.560.000.000
<b>b) Của nhà đầu tư/khách hàng</b>				
Cổ phiếu	1.693.652.705	2.069.874.986	22.094.358.395.270	28.837.057.261.800
Trái phiếu	80.601.584	51.518.290	8.670.707.465.146	5.235.768.727.840
Chứng chỉ quỹ	2.178.880	6.349.630	18.795.508.000	42.988.802.000
	1.840.577.290	2.140.258.576	32.050.201.454.972	34.727.235.766.640

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**6. Tình hình đầu tư tài chính**

Chi tiết chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo số kế toán VND	So với giá trị tăng Tăng VND	So với giá trị trường (Giảm) VND	Giá trị theo giá trị trường VND
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>25.616.224</b>	<b>913.514.009.112</b>	<b>15.682.619</b>	<b>(229.612.850.398)</b>	<b>683.916.841.333</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết (a)</i>	<b>25.340.726</b>	<b>637.798.397.561</b>	<b>15.675.549</b>	<b>(227.931.215.123)</b>	<b>409.882.857.987</b>
HT1	13.020.640	249.068.417.527	-	(183.965.217.527)	65.103.200.000
VCB	12.309.426	388.561.635.530	-	(43.897.707.530)	344.663.928.000
Khác	10.660	168.344.504	15.675.549	(68.290.066)	115.729.987
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<b>275.498</b>	<b>6.015.611.551</b>	<b>7.070</b>	<b>(1.681.635.275)</b>	<b>4.333.983.346</b>
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Minh Hải	44.000	2.400.000.000	-	(1.678.400.000)	721.600.000
Ngân hàng TMCP Việt Á	231.132	3.608.852.646	-	-	3.608.852.646
Khác	366	6.758.905	7.070	(3.235.275)	3.530.700
<b>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (d)</b>	<b>không áp dụng</b>	<b>269.700.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>269.700.000.000</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Số lượng cổ phiếu/ trái phiếu	Giá trị theo số kế toán VND	So với giá trị tăng VND	Giá trị theo giá thị trường VND
<b>I. Chứng khoán thương mại</b>	<b>63.022.841</b>	<b>2.228.565.900.733</b>	<b>143.625.481.658</b>	<b>2.107.361.963.933</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết (a)</i>	<i>60.627.328</i>	<i>1.179.774.593.474</i>	<i>30.104.602.394</i>	<i>946.729.972.400</i>
EIB	34.901.275	530.492.972.548	30.096.428.623	547.950.017.500
HTI	13.020.640	249.068.417.527	-	53.384.624.000
VCB	12.694.033	400.025.968.618	-	345.277.697.600
Khác	11.380	187.234.781	8.173.771	117.633.300
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>2.345.777</i>	<i>61.817.707.259</i>	<i>113.520.879.264</i>	<i>173.658.391.533</i>
Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản	44.000	2.400.000.000	-	721.600.000
Xuất khẩu Minh Hải	231.132	1.041.935.121	391.083.279	1.433.018.400
Ngân hàng TMCP Việt Á	2.070.433	58.371.072.918	113.129.793.915	171.500.866.833
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San	212	4.699.220	2.070	2.906.300
Khác				
<i>Trái phiếu</i>	<i>49.736</i>	<i>4.973.600.000</i>	-	<i>4.973.600.000</i>
Trái phiếu chuyển đổi Techcombank	49.736	4.973.600.000	-	4.973.600.000
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (d)</i>	<i>không áp dụng</i>	<i>982.000.000.000</i>	-	<i>982.000.000.000</i>
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>	<b>18.400.154</b>	<b>200.501.540.000</b>	-	<b>200.501.540.000</b>
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết (c)</i>	<i>18.400.154</i>	<i>200.501.540.000</i>	-	<i>200.501.540.000</i>
Ngân hàng TMCP Kiên Long	18.400.154	200.501.540.000	-	200.501.540.000

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

Chi tiết chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư góp vốn và đầu tư tài chính khác được nắm giữ bởi Tập đoàn tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 và 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

	Số lượng cổ phiếu/trái phiếu Cuối kỳ	Đầu kỳ	Giá trị theo số kế toán Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND	Dự phòng giảm giá Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VND
<b>II. Chứng khoán đầu tư</b>						
<b>Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>200.000</b>	-	<b>200.000.000.000</b>	-	-	-
<i>Trái phiếu doanh nghiệp (e)</i>	<i>200.000</i>	-	<i>200.000.000.000</i>	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời	200.000	-	200.000.000.000	-	-	-
<b>IV. Đầu tư tài chính khác</b>	<b>16.628.736</b>	<b>16.628.736</b>	<b>341.981.805.860</b>	<b>341.981.805.860</b>	<b>(49.504.450.916)</b>	<b>(50.053.169.581)</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết (b)</i>	<i>10.674.557</i>	<i>10.674.557</i>	<i>144.010.403.360</i>	<i>144.010.403.360</i>	<i>(16.584.389.830)</i>	<i>(16.492.457.075)</i>
BTS	8.674.557	8.674.557	123.910.403.360	123.910.403.360	(16.584.389.830)	(16.492.457.075)
ASIAGF	2.000.000	2.000.000	20.100.000.000	20.100.000.000	-	-
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>5.954.179</i>	<i>5.954.179</i>	<i>197.971.402.500</i>	<i>197.971.402.500</i>	<i>(32.920.061.086)</i>	<i>(33.560.712.506)</i>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	3.236.536	3.236.536	169.869.910.000	169.869.910.000	(11.920.061.086)	(12.560.712.506)
Công ty Cổ phần Hàng không Đông Dương	2.000.000	2.000.000	21.000.000.000	21.000.000.000	(21.000.000.000)	(21.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xây dựng và Chế biến Lương thực Vĩnh Hà	607.500	607.500	6.084.112.500	6.084.112.500	-	-
Khác	110.143	110.143	1.017.380.000	1.017.380.000	-	-



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

- (a) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán thương mại tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, có 153.882 triệu VND (31/12/2012: 615.426 triệu VND) cổ phiếu được Công ty mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (“ACI”), Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Dịch vụ Bình Chánh (“Bình Chánh”) và Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Á Châu Hà Nội (“ACI-HANOI”). Công ty hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của ba công ty được đề cập ở trên.

Công ty đã có thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI và ACI-HANOI với giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 151.221 triệu VND (31/12/2012: 605.676 triệu VND) làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của hai công ty này cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 34).

- (b) Bao gồm trong cổ phiếu niêm yết thuộc đầu tư dài hạn khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 22.354 triệu VND (31/12/2012: 22.354 triệu VND) cổ phiếu được Công ty mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với ACI và Bình Chánh. Công ty hưởng toàn bộ lợi ích và gánh chịu rủi ro phát sinh từ số cổ phiếu này nhưng số cổ phiếu này được đăng ký quyền sở hữu dưới tên của hai công ty được đề cập ở trên.

Công ty cũng đã có thỏa thuận cho phép ACI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư với ACI với giá trị sổ sách tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 20.939 triệu VND (31/12/2012: 20.939 triệu VND) làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành của công ty này cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 34).

- (c) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có cam kết chuyển nhượng 14.400.154 cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long cho một cá nhân với giá chuyển nhượng 17.000 đồng/cổ phiếu trong vòng 12 tháng kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2012, sau khi Công ty có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng số cổ phiếu này (Thuyết minh 19). Trong kỳ, Công ty đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng số cổ phiếu này và giao dịch đã được hoàn tất.
- (d) Tiền gửi ngân hàng hưởng lãi suất năm từ 7,10% đến 11,00% (31/12/2012: 8,00% đến 14,00%).
- (e) Trái phiếu doanh nghiệp này hưởng lãi suất cố định 16,50%/năm, có kỳ hạn hai năm, và sẽ đáo hạn vào ngày 10 và ngày 21 tháng 1 năm 2015. Lãi được trả định kỳ hàng quý. Trái phiếu này được đảm bảo bằng 735.292 cổ phiếu Công ty Cổ phần Vincom (“VIC”) nắm giữ bởi doanh nghiệp phát hành và 5.729.354 cổ phiếu VIC nắm giữ bởi các cá nhân.

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	264.829.418.458	198.327.512.758
Trích lập dự phòng trong kỳ/năm	4.497.989.610	66.501.905.700
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(39.714.557.670)	-
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>229.612.850.398</b>	<b>264.829.418.458</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	50.053.169.581	49.365.688.663
Trích lập dự phòng trong kỳ/năm	-	687.480.918
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(548.718.665)	-
Số dư cuối kỳ/năm	49.504.450.916	50.053.169.581

**7. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư (*)	66.323.329.885	400.367.328.000
Phí giao dịch chứng khoán phải thu khách hàng	1.752.080.529	1.456.097.124
	68.075.410.414	401.823.425.124

- (\*) Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện số tiền phải thu từ giao dịch bán 4.083.333 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á cho Công ty Cổ phần Địa ốc ACB ("ACBR"). Theo điều khoản hợp đồng chuyển nhượng ký kết giữa Công ty và ACBR, số tiền này phải được thanh toán chậm nhất vào ngày 28 tháng 6 năm 2013. Vào ngày 28 tháng 6 năm 2013, hai bên đã đồng ý ký kết thỏa thuận gia hạn thời hạn thanh toán số tiền trên đến ngày 28 tháng 6 năm 2014.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

### 8. Các khoản phải thu khác

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (i)	609.837.876.824	362.438.866.423
Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư (ii)	473.030.028.458	-
Phải thu cổ tức (ii)	41.251.800.880	13.572.505.780
Lãi dự thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	14.746.685.937	10.729.799.096
Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	1.426.864.724	3.394.486.110
Phải thu lãi trái phiếu	7.131.666.666	-
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán có hưởng lãi (iii)	-	158.233.105.567
Phải thu từ hợp tác đầu tư chứng khoán không hưởng lãi (iv)	-	157.921.830.767
Các khoản phải thu khác (v)	24.111.693.715	43.040.949.723
	1.171.536.617.204	749.331.543.466

- (i) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho khách hàng để thực hiện các giao dịch ký quỹ. Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ này có thời hạn gốc 90 ngày và hưởng lãi suất ngày từ 0,04 đến 0,06% trong kỳ. Tỷ lệ ký quỹ ban đầu và tỷ lệ ký quỹ duy trì cho các giao dịch ký quỹ lần lượt là 50% và 30%.
- (ii) Phải thu từ thanh lý các khoản đầu tư đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện số tiền phải thu từ giao dịch bán cổ phiếu niêm yết mà Công ty đã mua thông qua hợp đồng hợp tác đầu tư với ACI và ACI-HANOI (Thuyết minh 6). Giao dịch bán cổ phiếu đã hoàn tất nhưng số tiền thu được đang được phong tỏa bởi Ngân hàng mẹ theo thỏa thuận về việc bán tài sản đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 34).
- Bao gồm trong số dư phải thu cổ tức tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có 27.680 triệu VND (31/12/2012: Không có) cổ tức phát sinh từ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư được dùng làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 6 và 34).
- (iii) Đây là số tiền Công ty ứng trước cho các bên thứ ba cho mục đích kinh doanh chứng khoán. Công ty được hưởng lãi suất cho số tiền đã ứng trước với lãi suất năm bình quân dao động từ 14,4% đến 19% cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012: từ 14,4% đến 19%). Đến ngày 11 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thu toàn bộ số dư phải thu từ hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán có hưởng lãi.
- (iv) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 thể hiện cho số tiền phải thu từ giao dịch bán cổ phiếu chưa niêm yết mà Công ty đã mua thông qua một hợp đồng hợp tác đầu tư với một cá nhân (“đối tác đầu tư”) vào năm 2010. Giao dịch bán cổ phiếu đã hoàn tất nhưng số tiền thu được được phong tỏa bởi Ngân hàng mẹ do một số thỏa thuận giữa đối tác đầu tư và Ngân hàng mẹ. Khoản tiền này đã được thu hồi đầy đủ vào ngày 4 tháng 4 năm 2013.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

- (v) Bao gồm trong khoản phải thu khác có số tiền 21.377.925.173 VND phải thu từ một khách hàng cá nhân từ nghiệp vụ hỗ trợ thanh toán mua cổ phiếu niêm yết (31/12/2012: 42.638.300.000 VND). Số tiền phải thu này được đảm bảo bằng cổ phiếu niêm yết trị giá 3.848.130.000 VND (31/12/2012: 50.319.802.900 VND) của khách hàng này lưu ký tại Công ty. Ngoài ra, nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh từ khách hàng này còn được đảm bảo bởi cổ phiếu và tài sản khác của một cá nhân khác.

**9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	931.332.950	716.718.670
Tăng dự phòng trong kỳ/năm	7.018.550.020	214.614.280
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ/năm	(342.400.000)	-
Số dư cuối kỳ/năm	<b>7.607.482.970</b>	<b>931.332.950</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu kỳ	62.445.734.395	17.953.824.566	3.572.228.509	7.884.801.132	2.972.147.792	94.828.736.394
Tăng trong kỳ	-	-	-	48.259.000	131.681.000	179.940.000
Thanh lý	-	(794.572.720)	-	(74.720.475)	-	(869.293.195)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(2.983.207.737)	(70.637.089)	(3.053.844.826)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>62.445.734.395</b>	<b>17.159.251.846</b>	<b>3.572.228.509</b>	<b>4.875.131,920</b>	<b>3.033.191.703</b>	<b>91.085.538.373</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	11.265.332.393	17.785.928.396	3.081.182.128	4.616.808.743	1.893.796.093	38.643.047.753
Khấu hao trong kỳ	1.249.340.202	33.611.760	231.931.908	1.082.306.469	154.000.189	2.751.190.528
Thanh lý	-	(794.572.720)	-	(56.912.578)	-	(851.485.298)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(1.962.294.154)	(36.437.071)	(1.998.731.225)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>12.514.672.595</b>	<b>17.024.967.436</b>	<b>3.313.114.036</b>	<b>3.679.908.480</b>	<b>2.011.359.211</b>	<b>38.544.021.758</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	51.180.402.002	167.896.170	491.046.381	3.267.992.389	1.078.351.699	56.185.688.641
Số dư cuối kỳ	49.931.061.800	134.284.410	259.114.473	1.195.223.440	1.021.832.492	52.541.516.615

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**10. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)**

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	62.445.734.395	20.045.597.189	5.988.089.009	6.537.923.498	1.823.481.992	96.840.826.083
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang	-	-	-	1.777.681.392	1.176.540.800	2.954.222.192
Thanh lý	-	(2.091.772.623)	(2.415.860.500)	(430.803.758)	(27.875.000)	(4.966.311.881)
Số dư cuối năm	62.445.734.395	17.953.824.566	3.572.228.509	7.884.801.132	2.972.147.792	94.828.736.394
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	8.766.651.989	18.698.978.381	4.542.437.038	2.471.459.146	1.620.114.583	36.099.641.137
Khấu hao trong năm	2.498.680.404	1.178.722.638	736.498.174	2.325.905.083	286.430.312	7.026.236.611
Thanh lý	-	(2.091.772.623)	(2.197.753.084)	(180.555.486)	(12.748.802)	(4.482.829.995)
Số dư cuối năm	11.265.332.393	17.785.928.396	3.081.182.128	4.616.808.743	1.893.796.093	38.643.047.753
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	53.679.082.406	1.346.618.808	1.445.651.971	4.066.464.352	203.367.409	60.741.184.946
Số dư cuối năm	51.180.402.002	167.896.170	491.046.381	3.267.992.389	1.078.351.699	56.185.688.641

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 21.198.437.555 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 20.039.364.167 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	
	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND</b>
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ/năm	2.481.127.984	2.481.127.984
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(28.174.280)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	2.452.953.704	2.481.127.984
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ/năm	1.971.202.141	1.244.265.973
Khấu hao trong kỳ/năm	317.894.883	726.936.168
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(25.367.756)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	2.263.729.268	1.971.202.141
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư đầu kỳ/năm	509.925.843	1.236.862.011
Số dư cuối kỳ/năm	189.224.436	509.925.843

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.060.569.150 VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 504.519.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Giai đoạn sáu tháng</b>	
	<b>kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2012 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	1.779.866.398	3.029.807.550
Tăng trong kỳ/năm	-	209.135.280
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	1.055.113.601	-
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	2.806.524	-
Phân bổ trong kỳ/năm	(349.214.213)	(1.459.076.432)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ/năm	2.488.572.310	1.779.866.398

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a - CTCK****13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>30/6/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	5.250.000.000	5.250.000.000

**14. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán**

	<b>30/6/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	15.644.000.003	13.144.000.003

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ/năm như sau:

	<b>Giai đoạn sáu tháng</b> <b>kết thúc ngày</b> <b>30/6/2013</b> <b>VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày</b> <b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	13.144.000.003	10.834.305.315
Tiền nộp bổ sung trong kỳ/năm	1.092.152.390	1.299.728.719
Tiền lãi trong kỳ/năm	1.407.847.610	1.009.965.969
Số dư cuối kỳ/năm	15.644.000.003	13.144.000.003

**15. Tài sản dài hạn khác**

	<b>30/6/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Tiền ký quỹ thuê văn phòng, nhà ở và căn hộ	1.348.106.396	1.348.106.396



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**16. Nợ ngắn hạn**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21)	400.000.000.000	700.000.000.000

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	603.557.318	770.655.927
Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư	1.435.188.953	421.271.187
Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.400.167.250	274.125.806
Các loại thuế khác	759.773.883	4.258.754.172
	<b>26.198.687.404</b>	<b>5.724.807.092</b>

**18. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Lãi trái phiếu phải trả	156.009.916.669	275.877.305.562
Phí giao dịch trả Trung tâm lưu ký, Sở giao dịch Chứng khoán	2.291.893.282	1.859.442.798
Chi phí khác	24.000.000	44.000.000
	<b>158.325.809.951</b>	<b>277.780.748.360</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	102.695.965.930	82.527.742.363
Phải trả khác cho Ngân hàng mẹ (i)	-	200.501.540.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác (ii)	26.017.715.030	280.595.014.544
	<b>128.713.680.960</b>	<b>563.624.296.907</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – CTCK**

- (i) Số tiền phải trả khác cho Ngân hàng mẹ thể hiện số tiền nhận được từ Ngân hàng mẹ cho giao dịch mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long từ Công ty nhưng đã được hủy trong năm 2012. Lãi phải trả 25.436 triệu VND liên quan đến số tiền đặt cọc này đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ.
- (ii) Bao gồm trong các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 230.576 triệu VND tiền đặt cọc đảm bảo thanh toán của một cá nhân cho giao dịch mua cổ phiếu Ngân hàng TMCP Kiên Long từ Công ty (Thuyết minh 6). Trong kỳ, Công ty đã có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển nhượng số cổ phiếu này và giao dịch đã được hoàn tất.

**20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	80.897.698.550	49.407.121.215

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư phản ánh khoản tiền gửi của nhà đầu tư phục vụ cho các hoạt động kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

**21. Nợ dài hạn**

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trái phiếu dài hạn đã phát hành	400.000.000.000	1.700.000.000.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(400.000.000.000)	(700.000.000.000)
		- 1.000.000.000.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản nợ dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Ngày đáo hạn	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trái phiếu dài hạn đã phát hành					
Lô 1	VND	11,40% - 15,81%	20/10/2013	100.000.000.000	300.000.000.000
Lô 2	VND	13,80% - 15,83%	30/11/2013	300.000.000.000	300.000.000.000
Lô 3	VND	14,30% - 15,85%	15/12/2013	-	100.000.000.000
Lô 4	VND	14,00%	31/7/2015	-	1.000.000.000.000
				400.000.000.000	1.700.000.000.000

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – CTCK

**22. Các quỹ dự trữ pháp định**

Theo Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành, Công ty phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	<b>Trích lập hàng năm</b>	<b>Số dư tối đa</b>
Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn góp và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Công ty chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính.

Theo chính sách của Công ty, quỹ dự phòng tài chính của ACBC được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ hiện có của công ty này. Quỹ dự phòng tài chính này được trích lập vào cuối năm tài chính.

**23. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND</b>
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán thương mại	31.726.382.890	79.797.740.984
Lợi nhuận từ thanh lý chứng khoán sẵn sàng để bán	108.701.078.000	1.944.000.000
Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác đầu tư	4.872.973.008	39.376.296.246
Thu nhập cổ tức	46.740.001.698	71.663.723.366
Thu nhập trái tức	15.399.999.999	-
	<b>207.440.435.595</b>	<b>192.781.760.596</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – CTCK

**24. Doanh thu khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND</b>
Doanh thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	44.293.534.314	10.311.292.722
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23.528.172.496	11.410.195.605
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.577.409.005	3.276.477.767
Lãi từ hợp đồng mua chứng khoán với cam kết bán lại	-	2.428.062.000
Hoa hồng ứng tiền ngày T	409.956	6.147.104
Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng	321.000.000	375.600.000
Doanh thu khác	874.935.868	1.547.447.518
	<hr/> 72.595.461.639	<hr/> 29.355.222.716 <hr/>

**25. Chi phí hoạt động kinh doanh**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND</b>
Chi phí môi giới chứng khoán	7.283.189.031	9.154.943.552
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	30.044.843.238	26.854.476.497
Chi phí lưu ký chứng khoán	5.035.203.644	6.155.059.645
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(35.765.286.725)	(146.375.978.491)
Chi phí lãi trái phiếu	50.743.972.220	118.256.000.003
Chi phí nhân viên trực tiếp	13.221.198.920	23.538.116.374
Khấu hao tài sản cố định	1.416.978.449	2.027.225.935
Chi phí khác hoạt động môi giới trái phiếu	-	14.018.208.000
Chi phí hoa hồng	148.585.204	4.129.748.103
Chi phí thuê văn phòng	2.612.710.428	2.940.458.842
Chi phí khác	3.745.938.850	4.616.861.498
	<hr/> 78.487.333.259	<hr/> 65.315.119.958 <hr/>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – CTCK

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND</b>
Khấu hao tài sản cố định	1.652.106.962	1.927.664.819
Chi phí nhân viên	8.262.384.524	12.406.146.059
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	7.018.550.020	1.279.093.180
Chi phí công cụ, đồ dùng, văn phòng phẩm	293.094.393	248.365.664
Thuế, phí, lệ phí	46.160.400	46.156.306
Chi phí bảo vệ	1.455.344.450	2.203.413.410
Thuế GTGT không được khấu trừ	344.706.778	543.577.242
Chi phí thuê văn phòng	757.379.515	422.193.384
Chi phí bằng tiền khác	2.778.652.073	4.066.891.022
	<b>22.608.379.115</b>	<b>23.143.501.086</b>

**27. Thu nhập khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND</b>
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	17.818.182	229.342.791
Tiền phạt khách hàng chậm thanh toán	233.051.827	3.458.713.946
Thu nhập khác	1.376.035.503	131.904.575
	<b>1.626.905.512</b>	<b>3.819.961.312</b>

**28. Chi phí khác**

	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND</b>	<b>Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	17.807.897	158.966.894
Chi phí khác	14.268.191	13.566.948
	<b>32.076.088</b>	<b>172.533.842</b>

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**29. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	46.123.539.406	32.740.021.411
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.679.438.913
	46.123.539.406	35.419.460.324

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	231.219.891.129	213.327.997.714
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	57.804.972.782	53.331.999.429
Ảnh hưởng của chi phí không được khấu trừ thuế	3.567.049	3.391.737
Ảnh hưởng của thu nhập không bị tính thuế	(11.685.000.425)	(17.915.930.842)
	46.123.539.406	35.419.460.324

**(c) Thuế suất áp dụng**

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty và công ty con là 25%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan quản lý thuế.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – CTCK**

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối kỳ và trong kỳ như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2012 VND
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ</b>		
Doanh thu hoạt động môi giới	489.494.256	774.277.836
Doanh thu nghiệp vụ ứng tiền ngày T	409.956	6.147.104
Lãi tiền gửi ngân hàng	25.621.176.012	13.631.603.474
Doanh thu từ bán tài sản cố định	-	111.751.881
Thu nhập khác	321.000.000	375.600.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán	637.594	-
Phí dịch vụ khách hàng	-	(793.010.589)
Chi phí lãi từ tiền đặt cọc mua bán chứng khoán (Thuyết minh 19)	25.435.616.861	-
Phí khác trả cho Ngân hàng mẹ	54.946.223	74.708.937
Chuyển lợi nhuận về Ngân hàng mẹ	-	191.577.676.549
Thu từ việc thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	572.233.500.000
Thu từ hợp đồng môi giới trái phiếu	-	315.000.000.000
Hoàn trả tiền cho hợp đồng môi giới trái phiếu	-	(315.000.000.000)
<b>Các công ty liên quan</b>		
Phí dịch vụ bảo vệ và dịch vụ tài xế	1.455.344.450	2.203.413.415
<b>Các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	2.433.448.000	2.748.831.622
	<b>Số dư tại ngày</b>	
	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Ngân hàng mẹ</b>		
Ủy thác đầu tư	767.380.000	767.380.000
Tiền gửi tại Ngân hàng mẹ	151.827.217.917	578.570.561.695
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	269.700.000.000	982.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	1.426.864.724	3.394.486.110
Lợi nhuận phải chuyển về Ngân hàng mẹ	102.695.965.930	82.527.742.363
Phải trả khác	-	200.501.540.000

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**31. Biến động các khoản phải thu**

Khoản mục	Tổng số VND	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ	Tổng số VND	Số cuối kỳ		Số dự phòng đã lập VND
		Tổng số VND	Số khó đòi VND			Tăng VND	Giảm VND	
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	88.823.123	85.898.478	2.924.645	-	-
2. Trả trước cho người bán	80.000.000	-	-	4.918.458.600	313.064.000	4.685.394.600	-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	8.209.000	-	-	788.667.425	500.083.655	296.792.770	-	-
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	401.823.425.124	-	-	7.079.986.066.039	7.413.734.080.749	68.075.410.414	66.323.329.885	-
5. Phải thu khác	749.331.543.466	44.144.165.900	1.505.865.900	4.680.294.858.171	4.258.089.784.433	1.171.536.617.204	75.590.535.266	14.735.179.580
	1.151.243.177.590	44.144.165.900	1.505.865.900	11.766.076.873.358	11.672.722.911.315	1.244.597.139.633	141.913.865.151	14.735.179.580
								7.607.482.970



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – CTCK**

**32. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Thành viên chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động của mình lên Ban Tổng Giám đốc.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Ban Kiểm soát được bộ phận Kiểm toán nội bộ hỗ trợ trong công việc giám sát. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát thường xuyên và đột xuất các biện pháp kiểm soát và thủ tục quản lý rủi ro và báo cáo kết quả lên Ban Kiểm soát.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Tập đoàn ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản đảm bảo. Ban Tổng Giám Đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – CTCK**

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Tập đoàn.

**Tài sản đảm bảo**

Giá trị và loại tài sản đảm bảo yêu cầu phụ thuộc vào việc đánh giá rủi ro tín dụng của bên đối tác. Tập đoàn ban hành các hướng dẫn về việc chấp nhận loại tài sản đảm bảo và đánh giá tài sản đảm bảo. Các loại tài sản đảm bảo thu được chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi của khách hàng tại Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo, yêu cầu cung cấp thêm tài sản đảm bảo theo điều khoản quy định trong hợp đồng khi cần thiết, và kiểm tra giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn tại ngày kết thúc kỳ/năm báo cáo như sau:

	<b>30/6/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	152.072.618.151	579.082.964.805
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng (i)	269.700.000.000	982.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ (ii)	-	4.973.600.000
Phải thu khách hàng	2.924.645	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	296.792.770	8.209.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (iii)	68.075.410.414	401.823.425.124
Phải thu khác (iii)	1.171.536.617.204	749.331.543.466
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn (ii)	200.000.000.000	-
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	15.644.000.003	13.144.000.003
Tài sản tài chính khác	1.545.606.396	1.483.506.396
	<hr/>	<hr/>
	1.878.873.969.583	2.731.847.248.794
<b>Các cam kết ngoài bảng cân đối kế toán</b>		
Các thỏa thuận đảm bảo thanh toán (iv)	576.835.004.100	576.835.004.100
	<hr/>	<hr/>
	2.455.708.973.683	3.308.682.252.894

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – CTCK**

**(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng**

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu, công ty mẹ cấp cao nhất. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

**(ii) Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ và chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tập đoàn giới hạn ảnh hưởng của rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu đầu tư trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc. Với mức xếp hạng tín nhiệm cao nói trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng sẽ không có đối tác nào mất khả năng thực hiện nghĩa vụ.

**(iii) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức tín dụng được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng yêu cầu tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng tổn thất giá trị tài sản.

Các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**(iv) Các thỏa thuận đảm bảo thanh toán**

Công ty có ký thỏa thuận về việc đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu và Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính Á Châu Hà Nội cho một tổ chức tín dụng trong nước (Thuyết minh 6, 8 và 34). Giá trị thỏa thuận đảm bảo thanh toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 nêu trên thể hiện giá trị thị trường của tài sản đảm bảo là chứng khoán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (Thuyết minh 6a). Toàn bộ lợi tức, cổ tức (bằng tiền hoặc bằng tài sản khác), quyền ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán phát sinh từ tài sản đảm bảo và cổ phiếu mua phát sinh từ quyền ưu tiên mua cổ phần mới chào bán cũng thuộc tài sản đảm bảo theo thỏa thuận này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012, giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo trên lần lượt là 119.808 triệu VND và 576.835 triệu VND (Thuyết minh 6). Giá trị tài sản đảm bảo giảm trong kỳ do Công ty đã ký thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI bán một phần tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của Công ty nêu trên (Thuyết minh 8 và 34).

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – CTCK**

Bảng phân tích tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

<b>Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	<b>Đảm bảo VND</b>	<b>Không đảm bảo VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền		152.072.618.151	152.072.618.151
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	-	269.700.000.000	269.700.000.000
Phải thu khách hàng	-	2.924.645	2.924.645
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	296.792.770	296.792.770
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	68.075.410.414	68.075.410.414
Phải thu khác	624.584.562.761	444.515.619.805	1.069.100.182.566
Chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	15.644.000.003	15.644.000.003
Tài sản tài chính khác		1.545.606.396	1.545.606.396
	824.584.562.761	951.852.972.184	1.776.437.534.945

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	<b>Đảm bảo VND</b>	<b>Không đảm bảo VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	579.082.964.805	579.082.964.805
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng		982.000.000.000	982.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn vào chứng khoán nợ	-	4.973.600.000	4.973.600.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	8.209.000	8.209.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		401.823.425.124	401.823.425.124
Phải thu khác	373.168.665.519	332.018.712.047	705.187.377.566
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	13.144.000.003	13.144.000.003
Tài sản tài chính khác	-	1.483.506.396	1.483.506.396
	373.168.665.519	2.314.534.417.375	2.687.703.082.894

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – CTCK**

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa tổn thất như sau:

	<b>Phải thu khác</b>	
	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn dưới 6 tháng	66.323.329.885	42.638.300.000
Quá hạn trên 6 tháng đến dưới 1 năm	60.855.355.686	-
	<b>127.178.685.571</b>	<b>42.638.300.000</b>

Bảng phân tích tuổi nợ của các tài sản tài chính đã tổn thất như sau:

	<b>Phải thu khác</b>	
	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	13.571.713.680	1.163.465.900
Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.163.465.900	-
Quá hạn 3 năm trở lên	-	342.400.000
	<b>14.735.179.580</b>	<b>1.505.865.900</b>

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính quá hạn và bị tổn thất:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	57.138.127.200	50.319.802.900

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ được trình bày trong Thuyết minh số 9.

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Tập đoàn luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách phát hành trái phiếu và đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – CTCK**

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Nợ ngắn hạn	400.000.000.000	425.101.916.667	425.101.916.667
Phải trả người bán	348.398.601	348.398.601	348.398.601
Người mua trả tiền trước	30.000.000	30.000.000	30.000.000
Chi phí phải trả	158.325.809.951	158.325.809.951	158.325.809.951
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	128.713.680.960	128.713.680.960	128.713.680.960
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	80.897.698.550	80.897.698.550	80.897.698.550
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.603.773.150	2.603.773.150	2.603.773.150
	770.919.361.212	796.021.277.879	796.021.277.879

**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 - 2 năm VND
Nợ ngắn hạn	700.000.000.000	798.028.611.111	798.028.611.111	-
Phải trả người bán	61.776.795	61.776.795	61.776.795	-
Người mua trả tiền trước	22.000.000	22.000.000	22.000.000	-
Chi phí phải trả	277.736.748.360	277.736.748.360	277.736.748.360	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	563.624.296.907	563.624.296.907	563.624.296.907	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	49.407.121.215	49.407.121.215	49.407.121.215	-
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.786.989.083	1.786.989.083	1.786.989.083	-
Nợ dài hạn	1.000.000.000.000	1.366.333.333.333	141.944.444.444	1.224.388.888.889
	2.592.638.932.360	3.057.000.876.804	1.832.611.987.915	1.224.388.888.889

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – CTCK**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012, rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn là không đáng kể do Tập đoàn không có các trạng thái tiền tệ trọng yếu đối với các tiền tệ khác VND.

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày kết thúc kỳ/năm báo cáo, bảng tóm tắt lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	152.072.618.151	579.082.964.805
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng	269.700.000.000	982.000.000.000
Phải thu khác	609.837.876.824	520.671.971.990
Chứng khoán thương mại	-	4.973.600.000
Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-
Nợ dài hạn	-	(1.000.000.000.000)
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi</b>		
Nợ ngắn hạn	(400.000.000.000)	(700.000.000.000)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 4.000 triệu VND lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tập đoàn (năm kết thúc ngày 31 tháng 2 năm 2012: 7.000 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – CTCK**

**(iii) *Rủi ro về giá chứng khoán vốn***

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư dài hạn của Tập đoàn.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Tập đoàn quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết thuộc chứng khoán thương mại của Tập đoàn là 409.882.718.500 VND (31/12/2012: 946.729.922.400 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này giảm hoặc tăng 10% tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (31/12/2012: 20%) với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tập đoàn sẽ giảm 40.983.699.691 VND hoặc tăng 40.631.105.694 VND tương ứng (Năm kết thúc ngày 31/12/2012: giảm 159.983.929.134 VND hoặc tăng 78.030.374.710 VND tương ứng).

**(e) *Giá trị hợp lý***

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết dựa trên giá thị trường niêm yết như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Chứng khoán thương mại</b>				
Chứng khoán niêm yết	637.798.397.561	409.882.857.987	1.179.774.593.474	946.729.972.400
<b>Đầu tư tài chính khác</b>				
Chứng khoán niêm yết	144.010.403.360	59.300.595.100	144.010.403.360	52.828.405.200

Ngoại trừ các chứng khoán niêm yết nêu trên, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt với giá trị ghi sổ của chúng.



**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a - CTCK**

**33. Các cam kết**

***Cam kết thuê***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.242.798.000	6.598.578.534
Từ hai đến năm năm	8.564.826.900	16.084.177.048
	<hr/>	<hr/>
	12.807.624.900	22.682.755.582

**34. Nghĩa vụ đảm bảo thanh toán**

Trong năm 2010, Công ty đã ký thỏa thuận về việc đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Á Châu (“ACI”) và Công ty TNHH Đầu Tư Tài Chính Á Châu Hà Nội (“ACI-HANOI”) cho một tổ chức tín dụng trong nước (“đơn vị mua trái phiếu”). Số trái phiếu trên có mệnh giá 1.193 tỷ VND và sẽ được đáo hạn vào ngày 29 tháng 7 năm 2013 và được gia hạn đến ngày 29 tháng 7 năm 2014 với lãi dự tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 386 tỷ VND (31/12/2012: 320 tỷ VND). Công ty đã cam kết đảm bảo thanh toán toàn bộ gốc và lãi đối với các trái phiếu trên đối với đơn vị mua trái phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã ký thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI sử dụng toàn bộ cổ phiếu trong danh mục hợp tác đầu tư giữa Công ty với hai công ty này với giá trị sổ sách là 627 tỷ VND làm tài sản đảm bảo cho các trái phiếu đề cập ở trên (Thuyết minh 6).

Giá trị tài sản đảm bảo còn bao gồm một số cổ phiếu niêm yết khác đang nắm giữ bởi ACI và ACI-HANOI với giá trị thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 329 tỷ VND (31/12/2012: 331 tỷ VND).

Toàn bộ thủ tục cầm cố và phong tỏa cổ phiếu dùng làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI được thực hiện vào tháng 1 năm 2013. Theo đó, nghĩa vụ đảm bảo thanh toán gốc và lãi trái phiếu phát hành bởi ACI và ACI-HANOI đã được chấm dứt ngày 15 tháng 1 năm 2013. Phần giá trị còn lại của nghĩa vụ đảm bảo thanh toán sau khi bán các tài sản đảm bảo nói trên do Ngân hàng mẹ đảm nhận theo thỏa thuận giữa Ngân hàng mẹ và đơn vị mua trái phiếu.

Tại ngày 15 tháng 4 năm 2013, Công ty đã ký thỏa thuận cho phép ACI và ACI-HANOI bán một phần tài sản đảm bảo thuộc sở hữu của Tập đoàn nêu trên với giá trị sổ sách là 454 tỷ VND (Thuyết minh 6). Số tiền 473 tỷ VND thu được sau khi bán tài sản đảm bảo này đang được ghi nhận là khoản phải thu từ ACI và ACI-HANOI (Thuyết minh 8) và hiện đang được phong tỏa trên tài khoản của ACI và ACI-HANOI tại Ngân hàng mẹ để đảm bảo thanh toán cho các trái phiếu đề cập ở trên.

**Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - CTCK

**35. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Các hoạt động của Tập đoàn không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

**(a) Thưởng cho nhân viên**

Tập đoàn chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng cuối năm vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**(b) Thuế**

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 25% đối với lỗ trước thuế giữa niên độ của Công ty và công ty con.

**(c) Các quỹ dự trữ pháp định**

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Công ty chỉ trích lập các quỹ trên vào cuối năm tài chính.

Theo chính sách của Công ty, quỹ dự phòng tài chính của công ty con chỉ được trích lập vào cuối năm tài chính.

Người lập:



Ông Nguyễn Phương Quang  
Kế toán viên

Người soát xét



Ông Võ Văn Vân  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Phạm Phú Khôi  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2013

